

Bản án số: 129/2026/HSPT
Ngày 10 tháng 9 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Anh Đức

Các Thẩm phán: bà Lê Thu Hương, bà Trương Thị Anh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: bà Thiều Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 188/2026/HSPT ngày 30/7/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/QĐXXPT-HS ngày 20/8/2026, đối với bị cáo **Ngô Ngọc L**, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thanh Hóa.

Bị cáo bị kháng nghị: **Ngô Ngọc L** – sinh ngày 17/8/1993 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Khu phố B, xã V, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Tổ dân phố L, phường S, tỉnh Thanh Hóa**; Số CCCD: 038093037710; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Ngô Văn C** và bà **Trần Thị T**; có vợ là **Cao Thị T1**, và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Tại bản án HSST số 22 ngày 12/8/2011 của TAND huyện Vĩnh Lộc xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 34 tháng 14 ngày về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Tại bản án HSST số 39 ngày 30/9/2011 của TAND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Tại bản án HSPT số 174 ngày 17/10/2011 của TAND tỉnh Thanh Hóa sửa bản án sơ thẩm số 22 ngày 12/8/2011 của TAND huyện Vĩnh Lộc, xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng được trừ đi thời gian tạm giam, còn phải chấp hành hình phạt 15 tháng 24 ngày;

- Tại bản án HSST số 05 ngày 24/02/2012 của TAND huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 12

tháng tù của bản án số 39 ngày 30/9/2011 của TAND huyện Yên Định và 15 tháng 24 ngày của bản án HSPT số 174 ngày 17/10/2011 của TAND tỉnh Thanh Hóa buộc phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 bản án là 35 tháng 08 ngày;

- Tại bản án HSPT số 66 ngày 09/5/2012 của TAND tỉnh Thanh Hóa, sửa bản án số 05 ngày 24/02/2012 của TAND huyện Ngọc Lặc, xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với 05 tháng 08 ngày tù (quy đổi của 15 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ) buộc phải chấp hành hình phạt chung là 23 tháng 08 ngày;

- Tại bản án HSST số 02 ngày 18/01/2017 của TAND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 24/02/2017 bị Công an huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với mức phạt 1.500.000đ, đã thi hành;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2026 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.

Trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 21/01/2026, Chu Văn X, sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố V, phường S, tỉnh Thanh Hóa; Chu Đình Đ, sinh năm 1995, trú tại phố C, phường Q, tỉnh Thanh Hóa và Lê Văn Quốc K, sinh năm 1997, trú tại tổ dân phố Đ, phường S, tỉnh Thanh Hóa cùng nhau uống bia, xem bóng đá. Sau khi xem bóng đá xong, X, Đ và K thống nhất đến quán K2, thuộc tổ dân phố H, phường S, tỉnh Thanh Hóa để hát. Trên đường đi, X gọi điện rủ Chu Văn L1, sinh năm 1994, trú tại tổ dân phố V, phường S đến hát cùng.

Khi đến quán K2, Đ gặp Lê Phi D, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa, là quản lý quán, đặt phòng hát 202 và yêu cầu D gọi 02 nhân viên nữ đến phục vụ rót bia, bấm bài hát. D đồng ý và bố trí Hà Thúy K1, sinh năm 2004, trú tại bản C, xã H, tỉnh Thanh Hóa và Lộc Thị L2, sinh năm 2005, trú tại bản Pọng 2, xã H, tỉnh Thanh Hóa vào phòng 202 phục vụ.

Lúc này, K đi ra ngoài, gọi điện cho L1 và nói “anh lên chơi với em một tí, có chỗ nào lấy được lấy cho em một ít em bán tiền cho”. L1 hiểu K muốn nhờ mua ma túy loại thuốc lắc và ketamine để sử dụng tại phòng hát nên đồng ý. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 21/01/2026, Chu Văn L1 sử dụng tài khoản “Just” trên ứng dụng telegram liên lạc với Ngô Ngọc L, hỏi mua 05 viên ma túy thuốc lắc và 04 túi ma túy ketamine. L đồng ý thông báo giá 350.000đ/1 viên thuốc lắc, 1.750.000đ/1 túi ketamine (05 viên thuốc lắc giá 1.750.000đ; 04 túi ketamine giá 7.000.000đ, tổng 8.750.000đ) và gửi tài khoản ngân hàng M số 0979142262 mang tên Ngô Ngọc L để

L1 chuyển tiền. L1 thông báo cho Lê Văn Quốc K biết đã hỏi mua được ma túy, đồng thời gửi tài khoản ngân hàng M số 1188119999999 của L1 cho K, dặn K chuyển tiền mua ma túy thừa rồi về L1 trả sau. Một lúc sau, K dùng tài khoản của mình chuyển lần lượt vào tài khoản cho L1 số tiền là 4.800.000đ và 2.250.000đ (tổng là 7.050.000đ). Sau mỗi lần nhận được tiền của K, L1 chuyển cho L số tiền 4.550.000đ và 2.100.000đ (tổng là 6.650.000đ). Nhận được tiền mua ma túy, L hẹn L1 đến khu vực đường L gần chợ mới B thuộc phường S, tỉnh Thanh Hóa gần nhà L để giao dịch bán ma túy. L1 một mình điều khiển xe mô tô BKS 36N1-20461 đến vị trí hẹn, L1 dùng điện thoại của mình gọi vào số điện thoại 0979142262 của L để thông báo đã đến. Một lúc sau L đi bộ một mình đến địa điểm đã hẹn, đưa cho L1 01 túi nilon màu đen, bên trong có chứa 04 viên ma túy thuốc lắc và 03 túi ma túy ketamine. L1 mở túi ma túy ra kiểm tra rồi nói với L “Sao lại có 03 túi ke và 04 viên thuốc lắc” L nói “Bạn mới chuyển cho tôi 6.650.000đ, còn thiếu 2.100.000đ nữa mới đủ”, L1 nói lại với L “Thế bạn đợi chút nữa tôi chuyển nốt”, L trả lời “Khi nào chuyển đủ tiền thì bạn xuống lấy nốt chỗ ma túy còn lại” như thông nhất ban đầu. Sau đó, L1 cất ma túy vào túi quần đang mặc rồi điều khiển xe đi về quán K2 để sử dụng ma túy.

Khoảng hơn một giờ sau, L1 chuyển số tiền 2.100.000đ vào tài khoản của L, L nhận được tiền thì gọi điện cho L1, hẹn gặp giao dịch tại khu vực ngã 3 Q (cũ). Sau đó L lấy 01 túi nilong màu xanh tím than, bên trong có 01 viên ma túy thuốc lắc và 01 túi ma túy ketamine, khi thấy xe taxi chạy qua nhà, L vẫy lại, rồi đi xe taxi này đi đến địa điểm đã hẹn L1 trước đó. Khi đến nơi L thấy L1 đang đứng đợi sẵn, L bảo lái xe taxi dừng lại cách đó 100 mét rồi xuống xe taxi đi bộ về phía L1 rồi đưa cho L1 01 túi nilong màu xanh tím than, bên trong có 01 viên ma túy thuốc lắc và 01 túi ma túy ketamine, rồi quay lại xe taxi đi về nhà. L1 tiếp tục mang số ma túy này về quán K2 và sử dụng hết.

Khoảng 03 giờ 40 phút cùng ngày, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T phối hợp với Công an phường S nhận được tin báo tại phòng 202 quán K2 có nhóm khách đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên đến kiểm tra, sau đó tổ công tác lập biên bản và đưa những người có liên quan về trụ sở Công an tỉnh T để làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Chu Văn L1, Chu Đình Đ, Lê Văn Quốc K và Lê Phi D giao nộp điện thoại di động có liên quan; L1 giao nộp xe mô tô Honda biển kiểm soát 36N1-20461. Cơ quan điều tra triệu tập Ngô Ngọc L làm việc, L giao nộp 01 điện thoại Iphone 17 Promax. L1, Đ, K, D và L xin đầu thú và khai nhận hành vi của mình.

Hồi 09 giờ 30 phút ngày 21/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét khẩn cấp quán K2, thu giữ các đồ vật gồm đĩa sứ, bật lửa, các túi nilon, túi có bám dính chất bột màu trắng, gói chứa các hạt tinh thể màu trắng, đĩa sứ có phần đáy bám muội

khối màu đen và đầu thu camera của quán. Cùng ngày, Cơ quan điều tra khám xét chỗ ở, đồ vật, tài liệu, phương tiện của **Chu Văn L1**, **Chu Văn X** và khám xét khẩn cấp chỗ ở của **Ngô Ngọc L** nhưng không phát hiện, thu giữ thêm đồ vật, tài liệu gì.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 109/2026/HS-ST ngày 19/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hoá, đã Quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Ngô Ngọc L** phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” .

Xử phạt: Bị cáo **Ngô Ngọc L** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/01/2026.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, về xử lý vật chứng, án phí, và dành quyền kháng cáo.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thanh Hóa ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKSKV4 với nội dung: Kháng nghị bản án hình sự sơ thẩm số 109/2026/HS-ST ngày 19/6/2026 của TAND khu vực 4 – Thanh Hóa về phần khung hình phạt đối với bị cáo **Ngô Ngọc L**. Đề nghị TAND tỉnh Thanh Hóa sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo **Ngô Ngọc L**.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng nghị số 02/QĐ-VKSKV4 ngày 03/7/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Thanh Hóa, tăng hình phạt đối với bị cáo **Ngô Ngọc L**, xử phạt bị cáo từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm tù.

Lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa về quyền, thủ tục, thời hạn kháng nghị đúng quy định tại các Điều 336, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 21/01/2026, **Chu Văn L1** sử dụng tài khoản telegram liên lạc với **Ngô Ngọc L** hỏi mua 05 viên ma túy thuốc lắc và 04 túi ma túy Ketamine. **L** đồng ý báo giá tổng số tiền 8.750.000đ và cung cấp tài khoản cho **L1**

chuyển tiền. Một lúc sau L1 chuyển cho L 6.650.000đ, L trực tiếp giao cho L1 04 viên thuốc lắc và 03 túi ketamine. Sau khi mua được ma túy, L1 mang về quán karaoke TrúC X1 cùng những người khác sử dụng. Khoảng hơn một giờ sau, L1 chuyển số tiền 2.100.000đ vào tài khoản của L, L nhận được tiền thì giao cho L1 01 viên thuốc lắc và 01 túi ketamine. L1 tiếp tục mang số ma túy trên về quán K2 cùng những người khác sử dụng.

Do có hành vi trên, Ngô Ngọc L bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng.

[3] Về nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa:

Bị cáo Ngô Ngọc L đã 02 lần bán ma túy cho L1, lần thứ nhất bán 04 viên ma túy thuốc lắc và 03 túi ketamine với giá 6.650.000đ, lần thứ hai bán 01 viên ma túy thuốc lắc và 01 túi ketamine với giá 2.100.000đ. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là không chính xác.

Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Thanh Hóa, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2026/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hoá.

- **Tuyên bố:** Bị cáo Ngô Ngọc L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- **Xử phạt:** Bị cáo Ngô Ngọc L 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 22/01/2026.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa PT-TANDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND khu vực 4 - Thanh Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; VP; Tòa HS.

Đào Anh Đức